

VẤN ĐỀ CHIẾC GƯƠNG TRONG *KHUÔN MẶT NGƯỜI KHÁC* CỦA KOBO ABE TỪ GÓC NHÌN PHÂN TÂM HỌC LACAN

Lương Hải Vân, Vũ Thị Quỳnh Phương

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Tóm tắt: Bài viết bàn về vấn đề chiếc gương trong *Khuôn mặt người khác* của Kobo Abe từ góc nhìn phân tâm học Lacan. Nếu trong trải nghiệm ban sơ, tấm gương giúp đứa trẻ kiến tạo một cái Tôi toàn vẹn thông qua hình ảnh phản chiếu và sự xác nhận của Tha nhân thì nhân vật chính trong tiểu thuyết lại trải qua một tiến trình đảo ngược đầy bi kịch. Khuôn mặt bị hủy hoại khiến bản ngã dần sụp đổ. Trong tuyệt vọng, nhân vật tìm cách chế tạo chiếc mặt nạ nhưng lớp vỏ nhân tạo này chỉ hoạt động như một “tấm gương méo mó” tạo ra một cái Tôi giả tạo và đẩy anh vào sự lầm nhận trầm trọng hơn. Khát vọng được thừa nhận dồn vào tha nhân nó cũng trở thành những tấm gương phủ định đẩy nhân vật vào trạng thái cô độc tận cùng.

Từ khóa: Chiếc gương; khuôn mặt người khác; Kobo Abe; Lacan; phân tâm học.

Nhận bài ngày 10.11.2025; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 30.12.2025

Liên hệ tác giả: Lương Hải Vân; Email: lhvan@daihocthudo.edu.vn

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Văn học với tư cách là một hình thái ý thức xã hội đặc biệt, luôn song hành cùng những biến động của đời sống con người và trở thành nơi lưu giữ cũng như phản chiếu những vết hằn vô hình của lịch sử và tâm thức con người. Bên cạnh những hướng tiếp cận nội tại văn bản, phê bình phân tâm học đã chứng tỏ hiệu quả trong việc khám phá đời sống vô thức, giải mã những xung đột tâm lý và những ẩn ức thường bị che giấu sau lớp vỏ ngôn từ. Trong dòng chảy ấy, Jacques Lacan là nhà tư tưởng đem lại cho phân tâm học một luồng sinh khí mới khi tái diễn giải Freud qua lăng kính ngôn ngữ học và cấu trúc luận. Các phạm trù như giai đoạn gương, cái Khác và sự thiếu hụt mở ra những cách lý giải về sự hình thành và khủng hoảng bản ngã. Kobo Abe – cây bút giàu tính hiện sinh của văn học Nhật Bản hậu chiến đã kiến tạo thế giới nghệ thuật chứa đựng những thương tổn về bản thể và những truy vấn về căn tính con người trong tác phẩm *Khuôn mặt người khác*. Tuy nhiên, ở Việt Nam, tác phẩm vẫn chưa được nghiên cứu sâu sắc từ góc nhìn phân tâm học Lacan.

Bên cạnh ý nghĩa biểu tượng phổ quát của chiếc gương trong văn hóa Nhật, chính Lacan là người đã trao cho tấm gương một vị trí trung tâm trong tiến trình hình thành chủ thể. Hình ảnh nhìn thấy trong gương là điểm tựa đầu tiên để đứa trẻ xác lập cái Tôi nhưng đồng thời cũng là nguồn gốc của sự “lầm nhận”. Chính vì vậy, khi bước vào thế giới nghệ thuật của Kobo Abe, ta nhận thấy sự cộng hưởng mạnh mẽ giữa hình tượng nghệ thuật và lý thuyết phân tâm học. Trong *Khuôn mặt người khác*, chiếc gương đóng vai trò như trục xoay của toàn bộ bi kịch. Việc phân tích chiếc gương từ lăng kính Lacan vì thế không chỉ giúp làm rõ bi kịch của nhân vật mà còn mở ra cách tiếp cận mới cho tác phẩm, đặt nó vào đối thoại cùng dòng tư tưởng phân tâm học hiện đại. Bài viết cho rằng trong *Khuôn mặt người khác*, toàn bộ bi kịch bản ngã của nhân vật chính có thể được giải thích như một quá trình thất bại của Giai đoạn Gương theo Lacan.

2. NỘI DUNG

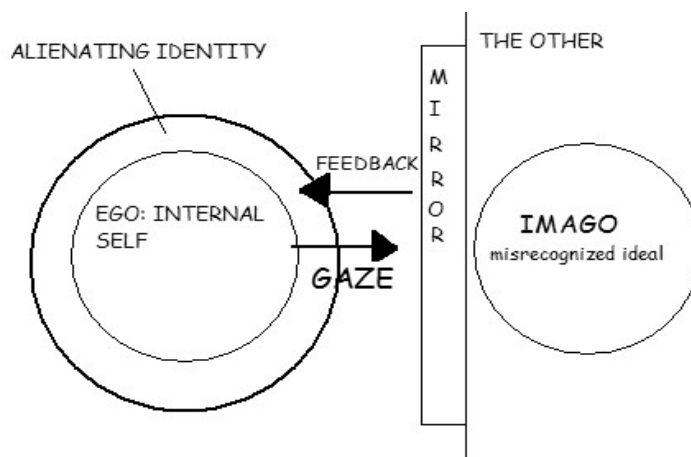
2.1. Giai đoạn gương – nền tảng hình thành cái Tôi trong phân tâm học Lacan

Từ xa xưa, trong văn hóa Nhật Bản, chiếc gương (鏡 *kagami*) đã mang ý nghĩa đặc biệt quan trọng vượt xa chức năng soi chiếu thông thường. Trải qua Minh Trị Duy Tân và thời *Shōwa*, gương thủy tinh phương Tây phổ biến, kéo theo sự hiện đại hóa của *kyōdai* nhưng vị trí văn hóa của chiếc gương trong đời sống Nhật Bản vẫn được duy trì như một biểu tượng của nếp sống thẩm mỹ và văn hóa đã ăn sâu vào tâm thức người Nhật từ hàng nghìn năm [2]. Trong truyền thuyết Tam chủng thần khí (三種の神器 – *Sanshu no Jingi*) của Nhật Bản, chiếc gương *Yata no Kagami* (八咫鏡) tượng trưng cho trí tuệ và sự sáng suốt, là ba báu vật linh thiêng truyền nối ngôi vị Thiên hoàng, chiếc gương được xem là vật có sức

mạnh lớn nhất, có khả năng phản chiếu linh hồn, soi tỏ bản chất của vị chủ thể đứng trước nó. Trong truyền thuyết Amaterasu, khi nữ thần Mặt trời ẩn mình trong hang khiến thế gian chìm vào bóng tối, các vị thần đã dùng chiếc gương để dẫn dụ bà bước ra. Khi nhìn thấy hình ảnh rạng ngời của chính mình được phản chiếu, Amaterasu vì tò mò mà hé cửa hang, giúp ánh sáng trở lại nhân gian. Nhờ sự xuất hiện của tấm gương, trật tự vũ trụ được khôi phục. Từ đó, chiếc gương trở thành biểu tượng của ánh sáng, trí tuệ và khả năng soi chiếu chân lý, giữ vai trò trung tâm trong thế giới tinh thần của người Nhật. Không chỉ là vật báu của hoàng gia, nó còn trở thành biểu tượng văn hóa xuyên suốt lịch sử, khẳng định niềm tin rằng một tấm gương chân thật có thể soi tỏ cả thế giới lẫn bản ngã con người. [5]

Không chỉ mang ý nghĩa thiêng liêng trong văn hóa Nhật Bản, chiếc gương còn giữ một vị trí trung tâm trong “Giai đoạn gương”. Lacan lần đầu đưa ra khái niệm “Giai đoạn gương” tại Đại hội Phân tâm học Quốc tế ở Marienbad năm 1936. “Giai đoạn Gương liên quan đến việc lần đầu tiên đứa trẻ nghĩ về bản thân nó như là “tôi” đặt trong mối quan hệ với một hình ảnh mà nó bắt đầu hiểu ra đây là hình ảnh thể hiện bản thân nó” [4, tr.62]. Trong khoảng thời gian từ sáu đến mười tám tháng, trẻ chưa có được ý niệm về một “bản ngã” (*self*) hay một “toàn thể” (*wholeness*) – những điều chỉ xuất hiện khi khả năng cảm nhận cơ thể (*proprioception*) đã trưởng thành. Tuy nhiên, chính trong giai đoạn còn bất toàn và lệ thuộc ấy, một bước ngoặt quan trọng diễn ra: đứa trẻ nhìn thấy hình ảnh phản chiếu trong gương và nhận ra đó là mình.

Khoảnh khắc là lần đầu tiên ý thức của trẻ về bản thân như một thực thể thống nhất. Phát hiện này thường đi kèm cảm xúc hân hoan, ngạc nhiên, thậm chí phấn khích mãnh liệt và được chia sẻ cùng với người lớn, điển hình là mẹ khi đứa trẻ quay sang bà với ánh mắt đầy tự hào và chờ đợi sự xác nhận. Như vậy, căn cước con người ngay từ đầu đã được kiến tạo dựa trên một hoạt động mang tính nhận thức. “Tuy nhiên, theo Lacan, điều này không đồng nghĩa với việc khẳng định lại mệnh đề nổi tiếng của Descartes *cogito ergo sum* (Tôi tư duy, nên tôi tồn tại). Trái lại, với ông, điều đúng phải là điều ngược lại: “Tôi tư duy tức là tôi không tồn tại” hay nói cách khác, Chủ thể chỉ có thể toàn vẹn khi nó ngừng tư duy về chính mình. Chính hành động tư duy về bản thân lại khiến Chủ thể bị phân tán, bị che khuất và như thể tự hủy hoại chính nó” [4, tr.58, 59]. Khi soi gương, đứa trẻ không chỉ nhận ra mình như một hình ảnh thống nhất mà còn thấy mình như một “tha thể” (*Other*) tức là một cái gì đó vừa là nó vừa khác với nó.



Sơ đồ 1. Cơ chế phản chiếu và lầm nhận của bản ngã trong Giai đoạn gương theo Lacan

Sơ đồ trên mô tả tiến trình khi chủ thể Ego: internal self (Cái tôi: bản ngã bên trong) hướng ánh nhìn (gaze) của mình về phía gương (mirror) thì được trả lại hình ảnh (feedback) nhưng hình ảnh ấy không phải chủ thể ban đầu nữa mà là imago, một hình ảnh lý tưởng hóa, toàn vẹn nhưng mang bản chất ảo [1]. Khoảnh khắc chủ thể đồng nhất mình với imago tạo nên sự đồng nhất sai lầm, một tiến trình mà Lacan gọi là méconnaissance (lầm nhận). Trong vật lý quang học, ảnh của một vật tạo bởi gương phẳng là ảnh ảo, bị đảo ngược trái thành phải, phải thành trái. Dựa vào bản chất quang học và đứng dưới góc độ phân tâm học, Lacan tập trung vào sự thay đổi của cái tôi bản thể trong gương. Nhưng dù nhìn dưới góc độ quan học hay phân tâm học, ta đều thấy một sự chênh lệch khác biệt giữa gương và bản thể. Khi đứng trước gương, bản thể đã không còn toàn vẹn là chính nó nữa.

Theo Lacan, hình ảnh phản chiếu trong gương giống như một “môi nhử”. Trước khi bước vào Giai đoạn gương, đứa trẻ đã có khả năng nhận ra người khác trong gương như mẹ, anh chị em hay một đứa

trẻ khác trước khi nó nhận ra chính mình. Điều này cho thấy khi đến được Giai đoạn gương, đứa trẻ đã có một hiểu biết ban đầu rằng hình ảnh trong gương không phải là người thật. Vì thế, khác với con khi có thể lao vào tấn công hình ảnh phản chiếu như kẻ thù, đứa trẻ gần như ngay lập tức hiểu rằng hình ảnh ấy chỉ là một ảo ảnh. Và chính trong sự ảo ảnh đó, nó lần đầu tiên cảm nhận được rất rõ tính thống nhất của bản thân: “Đây không phải là mình nhưng đồng thời cũng chính là mình”. Ngay từ điểm khởi đầu, căn cước (hay Chủ thể) của đứa trẻ đã mang tính hai mặt: vừa là “tôi là gì” vừa là “người khác thấy gì về tôi” [4, tr.60]. “Điều này cho thấy nền tảng căn cước con người hay viên gạch đầu tiên của Chủ thể, là một hành vi tự luyện (*narcissism*) mang tính phân ly thuộc về trí năng” [4, tr.61]. Trong ngôn ngữ đời thường, “tự luyện” (*narcissism*) thường bị hiểu theo nghĩa tiêu cực, gắn với sự tự phụ hay tự cao quá mức nhưng trong phân tâm học, khái niệm này mang ý nghĩa khác, nó gần gũi hơn với ý niệm “một cái nhìn âu yếm dành cho chính mình” [4, tr.60]. Cái nhìn ấy không nhất thiết luôn mang tính tích cực nhưng nếu thiếu nó, toàn bộ cấu trúc căn cước có nguy cơ sụp đổ. Có lẽ đây là lý do vì sao trẻ nhỏ thường phản ứng mạnh trước những người có ngoại hình giống mình. Phản ứng ấy có thể biểu hiện như sự thích thú, tình cảm hoặc trái lại, là sự khó chịu và thù ghét. Ở lứa tuổi còn rất bé, ngay cả một sự khác biệt nhỏ giữa chính nó và người “giống mình” cũng khó được chấp nhận, bởi điều đó khơi dậy câu hỏi: “Đâu mới là bản gốc đích thực?”. Câu hỏi này giống như một mối đe dọa đối với sự ổn định của cái tôi đang trong quá trình hình thành. Chính vì thế, Giai đoạn Gương nhấn mạnh tầm quan trọng của tính tự luyện trong quá trình kiến tạo căn cước: đứa trẻ bắt đầu nhận ra mình qua hình ảnh và đồng thời phát triển một tình cảm đặc biệt, tình yêu dành cho chính hình ảnh bản thân.

Khi mô tả về Giai đoạn gương, Lacan nhấn mạnh đến vai trò của người lớn, thường là người mẹ – người bế hoặc dìu đứa trẻ đến trước gương trò chuyện, chỉ dẫn cho con: “Con xem, ai đang ở trong gương đó?”. Trong giây phút đầy cảm xúc này, khi đứa trẻ bất ngờ nhận ra hình ảnh kia chính là sự phản chiếu của mình, ngay lập tức được nó chia sẻ với mẹ bằng ánh nhìn. Người mẹ thường đáp lại bằng cách xác nhận, gọi tên con: “Đó là John trong gương!” [4, tr.70]. Thực tế, ngay từ khi đứa trẻ vừa chào đời, “Giai đoạn gương” đã được chuẩn bị sẵn trong chính mối quan hệ mật thiết giữa nó và mẹ. Ánh mắt chăm chú của người mẹ chính là “tấm gương soi đầu tiên”, trong đó đứa trẻ bắt gặp sự phản chiếu của chính mình tức là hình ảnh mà người mẹ nhìn thấy và biểu lộ qua nét mặt, cử chỉ, cảm xúc. Từ đó có thể đặt ra một giả thuyết thú vị: điều gì sẽ xảy ra nếu ánh mắt của người mẹ không thể trở thành tấm gương đầu tiên phản chiếu lại hình ảnh của đứa trẻ? Các nghiên cứu thực hiện vào giữa thế kỷ XX về trẻ sơ sinh sống trong các trại trẻ mồ côi đã cho thấy rằng, ngay cả khi được đáp ứng đầy đủ nhu cầu ăn uống và chăm sóc y tế, nhiều em vẫn không thể phát triển bình thường. Chúng trở nên uể oải, buồn bã, thậm chí một số tụt hậu nghiêm trọng trong sự phát triển trí tuệ. Có thể giải thích hiện tượng này như sau: những đứa trẻ đó đã bước qua Giai đoạn gương của mình không phải trong ánh mắt ổn định, trìu mến của một người mẹ mà trong môi trường thay đổi liên tục của nhiều người chăm sóc hồ hững do đó không thể tạo lập cho mình một hình ảnh nhất quán về bản thân. Và sự thất bại của Giai đoạn gương trong trường hợp này có thể dẫn đến hậu quả vô cùng nghiêm trọng đối với sự phát triển của Chủ thể.

Tuy nhiên, không phải lúc nào cái nhìn của người mẹ cũng như vậy. Trong những trường hợp người mẹ bị trầm cảm nặng, rơi vào trạng thái loạn thần hoặc chỉ chăm chăm vào bản thân mình, đứa trẻ sẽ chỉ nhận được một “tấm gương méo mó” [4, tr.73] thậm chí không có gương phản chiếu nào cả. Hệ quả của “tấm gương méo mó” này là căn cước non nớt của đứa trẻ chỉ được xây dựng trên một nền tảng yếu ớt, xuất hiện những “đường đứt gãy” trong cấu trúc tự luyện. Điều này gây ra những ảnh hưởng tai hại kéo dài, trong đó một số triệu chứng chẳng hạn hội chứng “tự kỷ”. Cũng giống như việc một sự giao tiếp tối thiểu luôn cần đến ít nhất hai chủ thể thì sự thiếu vắng một “Tôi” khiến cho đứa trẻ không thể thiết lập được sự trao đổi, đối thoại. Khi không có một Chủ thể để biến trải nghiệm thành ngôn ngữ hoặc sẽ hoàn toàn không xuất hiện hoặc chỉ tồn tại ở mức sinh học thuần túy như một chuỗi âm thanh, từ ngữ rời rạc không nhằm truyền đạt cho người khác. Chính vì vậy, ở nhiều trẻ tự kỷ, ta thấy có hiện tượng chúng phát âm, lặp lại lời nói nhưng không sử dụng ngôn ngữ ấy trong một bối cảnh giao tiếp thực sự.

2.2. Khuôn mặt - tấm gương của bản ngã bị tan rã

Trường hợp nhân vật chính trong *Khuôn mặt người khác* khi nhìn vào gương, ông không còn nhận lại được “tôi-lý tưởng” (Ideal-I) mà chỉ đối diện với những dấu vết của sự thiếu hụt và tổn thương. Khuôn mặt vốn là điểm tựa cho căn cước cá nhân giờ đây trở thành một “tấm gương vỡ” phản chiếu tình trạng tan rã bản ngã. Ngay từ đầu tác phẩm, nhân vật đã mang một khuôn mặt biến dạng, phải chăng đây chính là dụng ý của Kobo Abe khi xây dựng một điển hình cá nhân mất khả năng được nhìn nhận? Tiểu thuyết của Kobo Abe phơi bày sự mong manh của cái Tôi và cho thấy căn cước con người chỉ là một kết

quả tạm thời của những cơ chế nhận diện. Ở đời sống xã hội, khuôn mặt là sự thể hiện rõ ràng nhất của Ideal-I. Một xã hội mà định kiến ảnh hưởng rất lớn tới cách nhìn về cá nhân thì khuôn mặt giống như một “mã định danh” con người và cái tôi thì dường như bị hòa tan cùng những định kiến ấy.

Khi mất khuôn mặt sau tai nạn, nhân vật cũng mất luôn “điểm tựa” cho cái Tôi và phải bắt đầu lại Giai đoạn gương trong một hoàn cảnh đặc biệt. Sau tai nạn, khuôn mặt đầy sẹo khiến mỗi lần soi gương, ông không còn nhớ đến diện mạo cũ. Hình ảnh thương tổn ấy dần thay thế khuôn mặt trước kia, trở thành “cái tôi” buộc phải chấp nhận. Đây là một “giai đoạn gương soi ngược”, thay vì kiến tạo cái Tôi toàn vẹn, ông đồng nhất mình với bản ngã méo mó. Từ nhỏ đến trưởng thành, ông luôn hiện hữu với một gương mặt đầy đủ, đẹp đẽ và nhờ đó bản ngã được duy trì nhưng sau bỏng nặng, gương mặt nguyên vẹn bị phá hủy. Ký ức về khuôn mặt cũ và hiện thực khuôn mặt mới không thể dung hòa khiến tấm gương không còn là “tấm gương xác nhận” như với đứa trẻ thay vào đó nhân vật phải đối diện với nhiều tấm gương khắc nghiệt: ánh mắt của vợ, đồng nghiệp, người lạ trên phố. Trong chiếc gương thật, ông buộc phải tháo băng và nhìn khuôn mặt sẹo. Trong ánh mắt người khác, ông thấy sự giả tạo, xa cách. Những người xa lạ nhìn ông với tò mò, kinh ngạc, né tránh, liên tục nhắc rằng ông đã trở thành một kẻ dị dạng. Hàng trăm người lạ là hàng trăm tấm gương buộc ông phải soi mình và càng nhìn, ông càng thấy bản ngã tan rã.

Theo Lacan, cái Tôi được xây dựng từ tình cảm tự luyện ban đầu nhưng với nhân vật chính, sự tự luyện ấy bị phá vỡ hoàn toàn. Từ đây, ông nghĩ đến việc tạo ra một “khuôn mặt khác” – một mặt nạ nhân tạo để có thể hiện diện trước xã hội mà không mang mặc cảm dị dạng. Nhu cầu này xuất phát từ mong muốn được người khác công nhận và khát vọng nhìn thấy chính mình trong hình ảnh có thể chấp nhận nhưng vì được thay thế bằng sự giả tạo, nỗ lực ấy chỉ chứng minh bản ngã mong manh, có thể bị hủy hoại và thay thế. Càng suy tư, ông càng nhận ra cái Tôi trước kia đã không còn, còn cái Tôi hiện tại chỉ là hình ảnh méo mó, đằng sau gương mặt đầy sẹo không có một bản ngã vững chắc nào. Khuôn mặt trở thành điểm xuất phát cho khủng hoảng hiện sinh, ông mất khả năng tự nhận diện và mất chỗ đứng trước xã hội, ông quay sang ngôn ngữ bằng cách viết nhật kí như cách tự khẳng định sự tồn tại nhưng ngôn ngữ cũng bất lực, chỉ càng khắc sâu khoảng cách giữa “tôi trước kia” và “tôi bây giờ”. Soi gương, ông thấy tan vỡ; soi vào ánh mắt người khác, ông thấy phủ định; soi qua ngôn ngữ, ông thấy rời rạc. Khi mọi tấm gương đều không trả lại cái Tôi ổn định, ông xuất hiện nhu cầu che giấu khuôn mặt dị dạng hoặc tìm khuôn mặt thay thế. Đây là bước chuyển quan trọng, mở đường cho xuất hiện của mặt nạ như một “tấm gương méo mó”.

2.3. Mặt nạ - tấm gương méo mó của cái Tôi

Mặt nạ trở thành một “bản ngã nhân tạo”, khiến nhân vật tưởng là “tôi” nhưng thật ra đó đã không còn là mình nữa. Ở đây, cơ chế mà Lacan gọi là *méconnaissance* tức sự lầm nhận xuất hiện một lần nữa. Nhân vật đồng nhất với hình ảnh nhân tạo kia và tin rằng nó có thể trở thành cái Tôi của mình, bản ngã được tái lập từ một lớp vỏ giả tạo trao cho ông một diện mạo dễ chấp nhận hơn, một khuôn mặt mà chính ông có thể soi vào và tạm gọi là “tôi”. Một “tấm căn cước” mới cho ông cơ hội được giao tiếp, được nhìn nhận như một người bình thường trong cộng đồng. Tuy nhiên nó không chạm tới tầng sâu của chủ thể mà chỉ dựng lên một ảo ảnh khiến nhân vật bị trói buộc vào chính hình ảnh giả tạo do mình tạo ra. Cái Tôi được thừa nhận không còn là “tôi” như trước mà chỉ là “tôi” dưới dạng che giấu. Trong quá trình làm ra chiếc mặt nạ ấy, anh ta nhận ra rằng nó là một giải pháp cho bề ngoài nhưng không thể chạm đến cái bên trong khi phải chọn lựa đáng mặt phù hợp: “Anh đứng trước vô số lựa chọn về khuôn mặt mình sẽ đeo và mỗi khuôn mặt đều là một căn cước mới, một bản sắc mới. Anh loay hoay chọn cho mình một khuôn mặt, vì bộ mặt mới sẽ quyết định phần nào “con người mới” của anh. Cuối cùng, anh chấp nhận chọn một khuôn mặt của người lạ, một người vô danh.” [3, tr.75–82]. Như vậy, để tồn tại, ông buộc phải mượn khuôn mặt của một kẻ khác, một kẻ vô danh và chấp nhận từ bỏ cả sự riêng biệt của chính mình. Lần đầu nhìn vào gương sau khi đã đeo mặt nạ do mình tự chế tạo, anh ta cảm thấy như đang đối diện với một người xa lạ lạnh lùng: “Anh nhìn vào gương, có cảm tưởng như đang nhìn một người khác, một người lạ mặt lạnh lùng đang nhìn anh. Anh cảm thấy trống rỗng vì bối rối với khuôn mặt mới, tuyệt vọng về sự tan biến của khuôn mặt mình. Anh nhìn thấy hình ảnh của anh lẫn trốn chính mình nhờ “chiếc mũ tàng hình” [3, tr.140–142]. Đây là sự lặp lại cơ chế nhận đồng hình ảnh, chủ thể đối diện với một hình ảnh trong gương lần đầu và cố gắng gắn nó vào cái Tôi của mình.

Khuôn mặt cũ dần chìm trong dĩ vãng sau lớp da giả tạo kia nhưng sự hiện diện của nhân vật trong xã hội là sự hiện diện có điều kiện còn mặt nạ thì còn được nhìn nhận, tháo bỏ mặt nạ thì lập tức bị phủ định, bị xa lánh. “Gương mặt dị dạng không biến mất, nó vẫn hiện diện trong từng cảm giác đau rát dưới

lớp da bóng, trong sự bí bách và ngột ngạt khi da thịt bị bọc kín, trong nỗi lo lắng rằng người khác sẽ phát hiện ra khuôn mặt thật. Kính xe điện biến thành những tấm gương đen ngòm soi bóng nhân vật cùng chiếc mặt nạ: anh ngồi trên xe điện đi vào thành phố, bất kể anh ngồi vào chỗ nào, kính cửa sổ cũng biến thành những tấm gương đen ngòm soi hình chiếc mặt nạ của anh” [3, tr.200–201]. Anh đau khổ vì chiếc mặt nạ không hòa hợp với anh thành một toàn bộ thống nhất, dường như nó đang tìm cách chống lại anh, phá hoại kế hoạch của anh một cách mưu mô và quỷ quyệt. Nó có thể đánh lạc hướng ánh mắt người khác nhưng không thể xóa bỏ sự thật rằng cái Tôi của anh đã vỡ nát, bản ngã của anh đã tan rã, càng ngày anh càng mất khả năng phân biệt đâu là khuôn mặt thật đâu là khuôn mặt giả. Người đàn ông rơi vào trạng thái tự chia tách bản thân, không còn kiểm soát được chính mình khi chiếc mặt nạ không còn là công cụ mà trở thành kẻ điều khiển [3, tr.165–181]. Mặt nạ bắt đầu dần dần suy nghĩ và hành động của ông, cho phép ông làm những điều mà trước đây với khuôn mặt thật anh chưa thể làm, cho anh “quyền lực” phi đạo đức, vượt khỏi khuôn khổ xã hội. Bên trong anh là sự tích tụ, kìm nén của dục vọng, những ẩn ức cá nhân và khi đeo mặt nạ, những thứ ấy bộc phát như bệnh lý. Sự khủng hoảng bản sắc đạt đến cực điểm khi nhân vật thừa nhận rằng ngay cả khuôn mặt thật cũng chỉ là một loại mặt nạ khác. Tuyên bố này cho thấy ông đã đánh mất hoàn toàn ranh giới giữa thật và giả, giữa cái Tôi của chính mình và mặt nạ.

Bi kịch của nhân vật trong *Khuôn mặt người khác* gợi liên tưởng trực tiếp đến câu chuyện *Cái bóng* của Andersen, cái bóng vốn chỉ là hình ảnh phản chiếu lại dần tách khỏi con người, giành quyền tồn tại và cuối cùng nuốt chửng chính chủ nhân của mình. Tương tự, chiếc mặt nạ, ban đầu chỉ là công cụ để nhân vật che giấu khiếm khuyết khuôn mặt nhưng càng sử dụng, nó càng phát triển thành một bản thể có ý chí riêng, có thể dần dần suy nghĩ và hành động. Mặt nạ, ban đầu được kỳ vọng như một công cụ che chở và tái sinh anh ta một lần nữa nhưng dần trở thành “tấm gương méo mó”. Càng nương tựa vào mặt nạ, anh càng không thể có lại bản ngã thật và rơi vào tình trạng tha hóa. Những cảm giác đau rát dưới lớp da bóng, sự ngột ngạt thân thể, ánh mắt né tránh của vợ hay sự tò mò lạnh lùng của người qua đường đều nhắc nhở rằng mặt nạ không bao giờ có thể khôi phục một bản ngã trọn vẹn. Cuối cùng, mặt nạ chứng minh sự thất bại ấy, nó không thể thay thế khuôn mặt thật cũng không thể dựng lại một cái Tôi ổn định, trái lại, nó khắc sâu thêm khủng hoảng hiện sinh, buộc nhân vật phải đối diện với sự cô độc và trống rỗng. Từ đây, vấn đề trung tâm của câu chuyện không còn dừng ở khuôn mặt hay mặt nạ mà chuyển sang một giai đoạn khác – sự hiện diện của tha nhân.

2.4. Tha nhân - tấm gương của khát vọng được thừa nhận

Trong phân tâm học Jacques Lacan, tha nhân là một phạm trù nền tảng gắn liền với sự hình thành bản ngã. Tha nhân nhỏ là “người khác” trong đời sống hằng ngày như cha mẹ, vợ chồng, bạn bè, đồng nghiệp. Tha nhân lớn là toàn bộ trật tự ngôn ngữ, luật lệ và văn hóa mà chủ thể phải dựa vào để được công nhận. Từ cơ sở ấy, có thể thấy bi kịch của nhân vật chính trong *Khuôn mặt người khác* là bi kịch của một chủ thể mất đi khả năng được thừa nhận. Sau một thời gian sử dụng chiếc mặt nạ, đã có những lúc nhân vật coi đó là chính mình và quên mất đi rằng hình ảnh khi ta nhận được từ việc soi gương khác hoàn toàn so với hình ảnh những người xung quanh khi nhìn ta. Hình ảnh trong gương hoàn toàn là do chủ thể kiểm soát, có toàn quyền quyết định mình trông như thế nào. Còn hình ảnh người khác khi nhìn ta sẽ phụ thuộc vào nhiều yếu tố khách quan và chủ quan như không gian, thời gian, mối quan hệ cộng đồng, quan điểm và tình cảm cá nhân. Nhân vật soi mình trong vô số “tấm gương tha nhân” nhưng chỉ nhận lại sự phủ định và loại trừ, khiến khát vọng được công nhận biến thành vòng xoáy bi kịch. Người vợ là tha nhân gần gũi nhất nhưng lại phủ định ông mạnh mẽ nhất.

Đỉnh điểm là khi ông đeo mặt nạ tiếp cận vợ như một người đàn ông khác. Người vợ chấp nhận lời mời đi ăn, trò chuyện, không khước từ những ám hiệu tình dục và hành động quan hệ. Người vợ chấp nhận “người đàn ông mang mặt nạ” nhưng lại xa cách khuôn mặt thật. Sự công nhận ấy không dành cho ông thật mà cho hình ảnh giả mạo. Dù hành vi quan hệ tình dục vẫn diễn ra với người vợ đã gắn bó nhiều năm nhưng khi thực hiện lúc mang mặt nạ, nhân vật đồng thời tồn tại trong hai chiều kích khác nhau: một mặt là trải nghiệm tính dục, mặt khác là sự đấu tranh bản thể, khi chính nhân vật đấu tranh, dần vật sau khi quan hệ tình dục và càng ngày càng bị cuốn vào vòng xoáy không có điểm dừng. Để tồn tại, ông phải biến thành “một kẻ khác”, trong khi cái Tôi thật bị bỏ rơi. Đây là vết thương tinh thần sâu sắc nhất, đẩy nhân vật vào vòng xoáy tha hóa. Những người đồng nghiệp, hàng xóm hay chủ nhà đại diện cho một xã hội thu nhỏ. Họ cố giữ vẻ ngoài hòa nhã với nụ cười gượng gạo, lời chào xã giao nhưng sự gượng ép ấy chỉ phơi bày nỗi e dè và sợ hãi. Sự công nhận từ xã hội vì thế chỉ mang tính hình thức, một thứ công nhận có điều kiện. Những người lạ ngoài phố còn khắc nghiệt hơn. Ánh mắt tò mò, kinh

ngạc hoặc né tránh hốt hoảng khiến nhân vật liên tục bị soi chiếu như một ngoại lệ không thể chấp nhận. Kính xe điện biến thành tấm gương đen ngòm phản chiếu chiếc mặt nạ nhưng điều khủng khiếp hơn là ánh mắt người xung quanh. Tha nhân trên phố biến thành vô số gương soi chẳng chịt, giam hãm ông trong hình ảnh méo mó của chính mình.

Trong đoạn kết, người vợ sau khi đọc nhật ký của chồng nói rằng điều ông thực sự cần không phải là mặt nạ mà là “một tấm gương soi” [3, tr.313]. Điều này phơi bày sự thật: đối với ông, tha nhân không còn là người khác mà chỉ là công cụ để ông tìm kiếm sự xác nhận cho cái Tôi. Chính vì biến tha nhân thành gương, ông đánh mất khả năng đối thoại và rơi vào vòng luẩn quẩn của sự soi chiếu. Khi không còn tìm thấy sự công nhận từ bất cứ phía nào, nhân vật rơi vào khủng hoảng bản ngã. Ông nhận ra mình không thể tồn tại nếu thiếu tha nhân nhưng sự tồn tại ấy lại bị treo lơ lửng trong những phản chiếu phủ định. Ngay cả “gương mặt thật” cũng không còn là chỗ dựa, ông nghĩ rằng khuôn mặt nguyên vẹn trước kia cũng chỉ là một hình thức mặt nạ mà xã hội dùng để chấp nhận ông. Không còn gương để soi, không còn ai để nhìn, ông rơi vào trạng thái cô độc tận cùng. Lựa chọn tháo bỏ mặt nạ đánh dấu sự tan rã cuối cùng của cái Tôi. Trong *Khuôn mặt người khác*, tha nhân là tấm gương phản chiếu khát vọng được thừa nhận nhưng cũng là tấm gương phơi bày sự phủ định. Càng khao khát được tha nhân nhìn nhận, nhân vật lại càng nhận về sự xa lạ, để rồi bản ngã sụp đổ theo chính những tấm gương mà nó tìm kiếm.

3. KẾT LUẬN

Có thể thấy lý thuyết “Giai đoạn gương” của Lacan đã chính là một chiếc chìa khóa để giải mã tấm gương soi trong *Khuôn mặt người khác* của Kobo Abe. Khuôn mặt bị hủy hoại sau tai nạn đã làm sụp đổ điểm tựa của bản ngã, gương soi không còn trả lại hình ảnh một cái tôi lý tưởng mà chỉ phản chiếu những vết thương và sự tan rã. Trong tuyệt vọng, ông tìm đến mặt nạ song lớp vỏ nhân tạo này chỉ tạo ra một cái Tôi méo mó khiến sự thống nhất vốn mong manh nay càng thêm rạn nứt. Khát vọng được thừa nhận được dồn cả vào tha nhân nhưng cũng trở thành những tấm gương phủ định đẩy anh ta vào trạng thái cô độc tận cùng.

Toàn bộ tiến trình ấy đã cho thấy cái Tôi không bao giờ là một thực thể bền vững mà luôn phụ thuộc vào sự soi chiếu và khẳng định từ bên ngoài. Kết cục nhân vật rơi vào khoảng trống hiện sinh không thể cứu vãn, qua đó Kobo Abe đã phơi bày một sự thật cay đắng: bản ngã con người chỉ là kết quả tạm bợ của những soi chiếu và khi những soi chiếu ấy phủ định, cái Tôi cũng sụp đổ theo. Trong bối cảnh hiện đại, tác phẩm của Kobo Abe mang tính chất thức thời sâu sắc khi đặt con người vào tình huống tan rã vì định kiến, cái tôi bị định giá qua gương mặt. Điều này đặt ra cho bạn đọc câu hỏi trần trụi về những bản ngã nhân tạo đã và đang được tạo ra trong thế giới bây giờ. Tại sao những thứ “nhân tạo” ngày càng được tạo ra và sử dụng nhiều hơn và liệu nó có khiến con người mất dần nhân tính và bản chất nhân văn của mình?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Harimurti, A. (2022). *Bercermin daripada Lacan*. <https://nalarasa.com/2022/04/29/bercermin-daripada-lacan/>, đăng ngày 29/04/2022, truy cập ngày 15/10/2025.
2. Huỳnh Văn Ba. (2016). *Cái Gương Soi "kagami" Nhật Bản*. trên trang <http://www.erct.com/>, đăng ngày 30/3/2016, truy cập ngày 15/10/2025.
3. Kobo Abe. (2021). *Khuôn mặt người khác*. Phạm Mạnh Hùng dịch. Nxb. Bách Việt.
4. Lionel Bailly. (2009). *Lacan: Beginner's Guides – Dẫn nhập về phân tâm học Lacan*. Vi Bích dịch. Nxb Thế giới.
5. Mai Hà Linh. (2021). *Tam chủng thần khí: Ba báu vật thần thánh của Nhật Bản*. <https://kilala.vn/cam-nang-nhat-ban.html>, đăng ngày 30/09/2021, truy cập ngày 15/10/2025.

THE PROBLEM OF THE MIRROR IN KOBO ABE'S *THE FACE OF ANOTHER*: A LACANIAN PSYCHOANALYTIC PERSPECTIVE

Abstract: This article examines the problem of the mirror in Kobo Abe's *The Face of Another* through the lens of Lacanian psychoanalysis. While in the primordial experience the mirror enables the child to construct a coherent ego through the reflected image and the confirming gaze of the Other the protagonist in the novel undergoes a tragic reversal of this process. His

disfigured face leads to the gradual collapse of the ego. In desperation, he attempts to create an artificial mask, yet this synthetic surface functions only as a “distorted mirror,” generating a fictitious ego and driving him deeper into misrecognition. His longing for recognition, redirected toward the Other, is met only with distance and refusal, turning the Others into “mirrors of negation” that propel him toward an absolute state of isolation.

Keywords: *The mirror; the face of another; Kobo Abe; Lacan; psychoanalysis.*